

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

NGHỊ ĐỊNH

Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2022– 2027

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 6 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật điều ước quốc tế ngày 9 tháng 4 năm 2016;

Để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (viết tắt là ASEAN) và Đại hàn Dân quốc (viết tắt là Hàn Quốc) có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2007;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2022 – 2027.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc thuộc Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện ASEAN - Hàn Quốc và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
2. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.
3. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hoá xuất

khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

1. Ban hành kèm theo Nghị định này Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam (thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt áp dụng sau đây gọi là thuế suất AKFTA) và Danh mục hàng hóa áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2022-2027.

2. Cột “Mã hàng” và cột “Mô tả hàng hóa” tại các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này được xây dựng trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và chi tiết theo cấp mã 8 số hoặc 10 số.

Trường hợp Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sửa đổi, bổ sung, người khai hải quan kê khai mô tả, mã hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu sửa đổi, bổ sung và áp dụng thuế suất của mã hàng hoá được sửa đổi, bổ sung quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này.

Phân loại hàng hóa thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Cột “Thuế suất AKFTA (%)”: Thuế suất áp dụng từ ngày 01 tháng 12 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2027.

4. Ký hiệu “*”: Hàng hóa nhập khẩu không được hưởng thuế suất AKFTA tại thời điểm tương ứng.

5. Cột “Nước không được hưởng ưu đãi”: những mặt hàng nhập khẩu từ nước có thể hiện ký hiệu tên nước (được quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị định này) không được áp dụng thuế suất AKFTA quy định tại Nghị định này.

6. Cột “GIC”: hàng hóa sản xuất tại Khu công nghiệp Khai Thành thuộc lãnh thổ Bắc Triều Tiên áp dụng thuế suất AKFTA theo quy định tại Điều 3 Nghị định này.

7. Đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt trong hạn ngạch là mức thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này; danh mục và lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu hàng năm theo quy định của Bộ Công Thương và mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch áp dụng theo quy định của Chính phủ tại thời điểm nhập khẩu.

Điều 4. Điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

Hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất AKFTA phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Được nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước là thành viên của Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc, bao gồm các nước sau:

- a) Bru-nây Đa-rút-xa-lam, ký hiệu là BN;
- b) Vương quốc Cam-pu-chia, ký hiệu là KH;
- c) Cộng hoà In-đô-nê-xi-a, ký hiệu là ID;
- d) Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, ký hiệu là LA;
- đ) Ma-lay-xi-a, ký hiệu là MY;
- e) Cộng hòa Liên bang Mi-an-ma, ký hiệu là MM;
- g) Cộng hoà Phi-líp-pin, ký hiệu là PH;
- h) Cộng hoà Xinh-ga-po, ký hiệu là SG;
- i) Vương quốc Thái Lan, ký hiệu là TH;
- k) Đại hàn Dân Quốc (Hàn Quốc), ký hiệu là KR;

l) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước), ký hiệu là VN.

3. Được vận chuyển trực tiếp từ nước xuất khẩu, theo khoản 2, Điều 4 Nghị định này vào Việt Nam, do Bộ Công Thương quy định.

4. Đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc, có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu AK, theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 5. Hàng hóa sản xuất tại Khu công nghiệp Khai Thành thuộc lãnh thổ Bắc Triều Tiên

Hàng hóa sản xuất tại Khu công nghiệp Khai Thành thuộc lãnh thổ Bắc Triều Tiên (hàng hóa GIC) để được áp dụng thuế suất AKFTA của Việt Nam phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Thuộc các mặt hàng có thể hiện ký hiệu “GIC” tại cột “GIC” của Biểu thuế ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Được nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam.

3. Được vận chuyển trực tiếp từ Hàn Quốc vào Việt Nam, do Bộ Công Thương quy định.

4. Đáp ứng các quy định về xuất xứ đối với hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN và Hàn Quốc đối với hàng hóa áp dụng Quy tắc 6 - AKFTA, có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) Mẫu AK in dòng chữ “Rule 6” tại ô số 8 do cơ quan có thẩm quyền cấp C/O Mẫu AK của Hàn Quốc cấp, theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2022.

2. Bãi bỏ Nghị định số 157/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN – Hàn Quốc giai đoạn 2018 – 2022.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính